

QUẢN LÝ TRỊ GIÁ HẢI QUAN TẠI CỤC HẢI QUAN TỈNH LONG AN

Customs value management at Long An Customs Department

Lê Nguyễn Đăng Khoa¹

¹Học viên cao học Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An, Long An, Việt Nam
lndkhoatc12@hv.dla.edu.vn

Tóm tắt — Năm 2014, Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được ban hành, đánh dấu bước tiến trong việc chuyển đổi thủ tục hải quan sang phương thức điện tử, đơn giản hóa hành chính và áp dụng quản lý rủi ro để nâng cao hiệu quả quản lý trị giá hải quan và ngăn chặn gian lận thương mại. Các quy định về trị giá hải quan hiện nay tập trung tăng cường kiểm tra sau thông quan, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và rút ngắn thời gian thông quan. Cục Hải quan tỉnh Long An có địa bàn quản lý ở 03 tỉnh Long An, Tiền Giang và Bến Tre. Thực tiễn cho thấy việc quản lý trị giá hải quan vẫn tồn tại hạn chế, hiệu quả chưa cao. Việc hệ thống hóa lý luận, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý trị giá hải quan rất quan trọng.

Abstract — In 2014, Customs Law No. 54/2014/QH13 was issued, marking a step forward in converting customs procedures to electronic methods, simplifying administration, and applying risk management to improve the efficiency of customs value management and prevent trade fraud. Current regulations on customs value focus on strengthening post-clearance inspection, facilitating businesses, and shortening customs clearance time. Long An Customs Department has management areas in 03 provinces: Long An, Tien Giang, and Ben Tre. Practice shows that customs value management still has limitations and is low efficiency. It is necessary to systematize theories, assess the current situation, and propose solutions to improve the effectiveness of customs value management.

Từ khóa — Quản lý trị giá hải quan (customs value management), hiệu quả quản lý trị giá hải quan (customs value management efficiency).

1. Giới thiệu

Hiện nay, các quy định trị giá hải quan có phương thức kiểm tra theo nguyên tắc quản lý rủi ro, cách thức kiểm tra theo hướng tạo thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp, tăng cường công tác kiểm tra sau thông quan và kiểm tra trị giá trước khi làm thủ tục hải quan thay vì kiểm tra trị giá trong khâu thông quan, nhằm rút ngắn thời gian thông quan. Tuy nhiên, hoạt động quản lý trị giá hải quan vẫn còn nhiều hạn chế, như chồng chéo trong kiểm tra giữa các khâu, một số quy định chưa thực sự thuận lợi cho doanh nghiệp. Ngoài ra, việc kiểm soát trị giá ngày càng thông thoáng, nhiều doanh nghiệp có xu hướng khai báo trị giá thấp để trốn thuế.

Cục Hải quan tỉnh Long An (Cục HQLA), trực thuộc Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm quản lý Nhà nước về hải quan trên địa bàn 03 tỉnh Long An, Tiền Giang và Bến Tre. Thực tiễn hoạt động, Cục HQLA còn tồn tại bất cập trong việc quản lý trị giá hải quan cần nghiên cứu giải pháp nhằm phát huy tối đa hiệu quả quản lý, tập trung kiểm tra trị giá trong khâu trước và sau thông quan là yêu cầu cấp bách cả về lý luận và thực tiễn.

2. Cơ sở lý luận về quản lý trị giá hải quan

2.1. Quản lý trị giá hải quan

Quản lý trị giá hải quan là một lĩnh vực kỹ thuật nghiệp vụ đặc thù, giữ vai trò then chốt trong hoạt động quản lý hải quan nói chung, quản lý thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu (XNK) nói riêng nhằm tính đúng, tính đủ các khoản thuế và tuân thủ các quy định pháp luật, đảm bảo nguồn thu ngân sách Nhà nước (NSNN), tạo công bằng và minh bạch trong hoạt động XNK [1, 2].

2.2. Nội dung quản lý trị giá hải quan

Nội dung quản lý trị giá hải quan được thực hiện xuyên suốt trong cả hai giai đoạn: Trong thông quan và sau thông quan hàng hóa với mục tiêu đảm bảo việc khai báo trị giá được thực hiện đúng quy định pháp luật, góp phần thu đúng, thu đủ thuế cho NSNN [1, 4].

Trong giai đoạn thông quan, quản lý trị giá hải quan tập trung vào các hoạt động kiểm tra khai báo, tham vấn và xác định trị giá, được triển khai theo các quy định tại nghị định và thông tư liên quan của Bộ Tài chính và Chính phủ, cụ thể [5, 6]:

Kiểm tra trị giá hải quan cơ quan hải quan kiểm tra tính hợp lệ của chứng từ liên quan và so sánh trị giá khai báo với cơ sở dữ liệu giá để phát hiện dấu hiệu nghi ngờ [7].

Tham vấn trị giá hải quan được thực hiện khi có nghi vấn về tính chính xác của trị giá khai báo, thông qua các bước như phân loại hồ sơ, thu thập thông tin, tổ chức buổi tham vấn và xử lý kết quả [7].

Xác định trị giá hải quan dựa trên cơ sở dữ liệu, thông tin thị trường và các phương pháp quy đổi hợp lý, cơ quan hải quan ban hành thông báo xác định trị giá và lưu trữ phục vụ công tác quản lý sau này [8].

Ở giai đoạn sau thông quan, công tác quản lý trị giá được tiếp tục thông qua việc đối chiếu, kiểm tra và xử lý các dấu hiệu bất thường liên quan đến trị giá khai báo. Cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra lại hợp đồng, hóa đơn, chứng từ, đồng thời phân tích dữ liệu lịch sử nhập khẩu và điều tra khi cần thiết. Nếu phát hiện vi phạm, doanh nghiệp sẽ bị truy thu thuế và xử lý theo quy định. Việc kiểm tra sau thông quan được tiến hành theo quy trình thống nhất, bao gồm: Thu thập thông tin, xác định đối tượng, ban hành quyết định kiểm tra, thực hiện kiểm tra và xử lý kết quả. Hai hình thức kiểm tra sau thông quan phổ biến là tại trụ sở cơ quan hải quan và tại trụ sở doanh nghiệp [4].

2.3. Sự cần thiết quản lý trị giá hải quan

Quản lý trị giá hải quan đóng vai trò quan trọng trong thương mại quốc tế nhằm đảm bảo thu đúng, thu đủ thuế XNK, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh và ngăn chặn gian lận thương mại. Việc quản lý tốt trị giá hải quan giúp cơ quan chức năng kiểm soát hiệu quả nguồn thu NSNN, hỗ trợ doanh nghiệp tuân thủ đúng quy định, tránh tình trạng khai báo thấp nhằm trốn thuế hoặc khai báo cao để hợp thức hóa dòng tiền [2, 11]. Hơn nữa, với sự phát triển của thương mại điện tử và hội nhập kinh tế toàn cầu, quản lý trị giá hải quan đóng vai trò quan trọng trong việc rút ngắn thời gian thông quan, giảm chi phí logistics, cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh quốc gia, là tiền đề thúc đẩy thương mại hợp pháp, hiện đại và bền vững, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hội nhập sâu rộng vào chuỗi giá trị toàn cầu [14].

2.4. Văn bản pháp lý về trị giá hải quan

Hiệp định trị giá GATT/ WTO 1994 hướng dẫn thực hiện của tổ chức Hải quan Thế giới [14].

Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/6/2014 có hiệu lực từ ngày 01/01/2015 [5, 6].

Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP; Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 6/9/2023 quy định về trị giá hải quan đối với hàng hóa XNK [3].

Thông tư số 39/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn trị giá hải quan đối với hàng hóa XNK; Thông tư số 60/2019/TT-BTC ngày 30/8/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2015/TT-BTC; Thông tư số 33/2023/TT-BTC ngày 31/5/2023 quy định thi hành quản lý trị giá hải quan theo Nghị định số 67/2023/NĐ-CP.

2.5. Nội dung cơ bản quy định về trị giá

Một là, việc xác định trị giá hải quan, phương pháp xác định dựa trên Hiệp định trị giá GATT/WTO 1994, theo thứ tự: Trị giá giao dịch của hàng hóa giống hệt, trị giá giao dịch của hàng hóa tương tự, phương pháp suy luận, phương pháp tính toán và phương pháp suy luận [14].

Hai là, việc xác định trước trị giá hải quan, doanh nghiệp có thể đề nghị cơ quan hải quan xác định trước trị giá cho một số giao dịch nhất định trước khi nhập khẩu, nhằm đảm bảo tính minh bạch, giảm rủi ro tranh chấp về trị giá [3].

Ba là, trong quá trình làm thủ tục hải quan, cơ quan hải quan có quyền kiểm tra, tham vấn trị giá nếu có nghi vấn, yêu cầu doanh nghiệp cung cấp hồ sơ, chứng từ để xác minh tính chính xác của trị giá khai báo [7].

Bốn là, sau khi hàng hóa đã thông quan, cơ quan hải quan có thể kiểm tra trị giá trong quá trình kiểm tra sau thông quan hoặc thanh tra chuyên ngành, đảm bảo tính chính xác của trị giá đã khai, xử lý các trường hợp khai báo sai hoặc gian lận trị giá để trốn thuế [4].

2.6. Nguyên tắc, phương pháp xác định trị giá hải quan

Theo Điều 1 Thông tư số 60/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính trị giá hải quan của hàng hóa nhập khẩu là giá thực tế phải trả tính đến cửa khẩu nhập đầu tiên được xác định bằng cách áp dụng tuần tự 06 phương pháp và dừng lại ở phương pháp xác định được trị giá hải quan. Trường hợp người khai hải quan đề nghị bằng

vấn bản thì trình tự áp dụng phương pháp trị giá khấu trừ và phương pháp trị giá tính toán có thể hoán đổi cho nhau. Việc xác định trị giá hải quan căn cứ vào chứng từ, tài liệu, số liệu khách quan, định lượng được [10].

Các phương pháp xác định trị giá hải quan của hàng hóa nhập khẩu:

(1) Phương pháp trị giá giao dịch của hàng hóa nhập khẩu;

(2) Phương pháp trị giá giao dịch của hàng hóa nhập khẩu giống hệt;

(3) Phương pháp trị giá giao dịch của hàng hóa nhập khẩu tương tự;

(4) Phương pháp trị giá khấu trừ;

(5) Phương pháp trị giá tính toán;

(6) Phương pháp suy luận.

Về nguyên tắc và phương pháp xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu đã được bãi bỏ theo Điều 2 Thông tư số 39/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính để phù hợp với Hiệp định trị giá hải quan GATT/ WTO 1994.

3. Thực trạng hiệu quả quản lý trị giá hải quan tại Cục Hải quan tỉnh Long An

3.1. Thực trạng hiệu quả thu ngân sách Nhà nước

Bảng 1. Kết quả thu ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2023

Năm	Chỉ tiêu được giao (tỷ đồng)	Số thu ngân sách (tỷ đồng)	Tỷ lệ tăng, giảm (%)	So với chỉ tiêu được giao (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(3)/(2)
2021	4,700	5,327		113.3%
2022	4,700	4,837	-9.2%	102.9%
2023	5,000	3,690	-23.7%	73.8%

(Nguồn: Cục Hải quan Long An)

Thu NSNN trong giai đoạn 2021-2023 tại Cục HQLA có xu hướng giảm rõ rệt qua từng năm. Năm 2021, tổng số thu đạt 5,327 (tỷ đồng), vượt 13.3% so với chỉ tiêu do Tổng cục Hải quan giao cho thấy kết quả tích cực trong điều kiện phục hồi sau đại dịch. Bước sang năm 2022, số thu giảm còn 4,837 (tỷ đồng), tương đương giảm 9.2% so với năm trước, dù vẫn vượt nhẹ chỉ tiêu được giao. Đến năm 2023, tình hình trở nên khó khăn hơn khi số thu chỉ đạt 3,690 (tỷ đồng), giảm sâu 23.7% so với năm 2022 và không hoàn thành chỉ tiêu thu (chỉ đạt 73.8% kế hoạch). Những con số này phản ánh áp lực lớn trong công tác thu NSNN, đồng thời đặt ra yêu cầu cấp thiết phải

nâng cao hiệu quả quản lý trị giá hải quan (Bảng 1).

3.2. Tỷ lệ tờ khai phải kiểm tra trị giá

Tỷ lệ tờ khai bị kiểm tra trị giá trong ba năm qua luôn duy trì ở mức thấp và tương đối ổn định, dao động quanh mức 1% tổng số tờ khai. Điều này phù hợp với định hướng của ngành hải quan về cải cách thủ tục hành chính, tạo thuận lợi thương mại, đồng thời chuyển hướng trọng tâm sang kiểm tra sau thông quan và quản lý rủi ro thay vì kiểm tra quá nhiều trong khâu thông quan (Bảng 2).

Bảng 2. Kết quả hoạt động quản lý trị giá hải quan giai đoạn 2021-2023

TT	Chỉ tiêu	2021		2022		2023	
		Tờ khai	Tỷ trọng (%)	Tờ khai	Tỷ trọng (%)	Tờ khai	Tỷ trọng (%)
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Tổng số tờ khai	438,678	100	553,644	100	539,483	100
I	Tờ khai kiểm tra trị giá	4,387	1.000	5,879	1.062	5,394	1.000
1	Tờ khai tham vấn giá	4	0.001	49	0.009	38	0.007
a	Tờ khai bác bỏ trị giá sau tham vấn	0	0.000	10	0.002	3	0.001
b	Tờ khai không bác bỏ trị giá sau tham vấn	4	0.001	39	0.007	35	0.006

2	Tờ khai không tham vấn giá	4,383	0.999	5,830	1.053	5,356	0.993
II	Tờ khai không kiểm tra trị giá	434,291	99.000	547,765	98.938	534,089	99.000

(Nguồn: Cục Hải quan Long An)

3.3. Tỷ lệ tờ khai phải tham vấn trị giá

Theo bảng 2, tỷ lệ tờ khai phải tham vấn trị giá cực kỳ thấp, duy trì ở mức dưới 0.01% tổng số tờ khai hàng năm. Đáng chú ý, phần lớn các trường hợp tham vấn đều không dẫn đến việc bác bỏ trị giá khai báo, cho thấy quá trình tham vấn chưa phát huy hết vai trò trong việc làm rõ các nghi vấn về trị giá khai báo.

3.4. Tỷ lệ số thuế bổ sung do xác định lại trị giá và ấn định thuế

Theo bảng 3, số thuế bổ sung thu được từ hoạt động xác định lại trị giá và ấn định thuế trong ba năm qua chiếm tỷ trọng rất nhỏ, không vượt quá 0.01% tổng thu NSNN mỗi năm. Con số này phản ánh hiệu quả còn hạn chế của công tác xác định lại trị giá hải quan trong khâu thông quan [10].

Bảng 3. Tỷ lệ số thuế bổ sung do xác định lại trị giá và ấn định thuế

TT	Nội dung	So sánh qua các năm					
		Năm 2021 (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Năm 2022 (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Năm 2023 (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
	(1)	(2)	(3)=B/A	(4)	(5)=B/A	(6)	(7)=B/A
A	Số thu ngân sách Nhà nước	5,327	100	4,837	100	3,690	100
B	Số thuế điều chỉnh tăng	0	0	0.212	0.0044	0.187	0.0051

(Nguồn: Cục Hải quan Long An)

3.5. Tỷ lệ phát hiện vi phạm trị giá qua kiểm tra sau thông quan

Theo số liệu từ Bảng 4 cho thấy, số cuộc kiểm tra sau thông quan tại Chi cục Hải quan Long An có phát hiện vi phạm trị giá rất thấp và có xu hướng giảm dần, chỉ chiếm 2.33% năm 2021; 1.96% năm 2022 và 0% năm 2023. Điều này cho thấy việc lựa chọn đối tượng kiểm tra, phương pháp đánh giá rủi ro là chưa phù hợp.

3.6. Tỷ lệ thuế bổ sung từ vi phạm trị giá hải quan trong kiểm tra sau thông quan

Trong năm 2021-2022, tỷ lệ số thuế bổ sung từ các vi phạm trị giá hải quan trong kiểm tra sau thông quan cũng rất nhỏ, dưới 1% tổng số thuế truy thu mỗi năm, năm 2023 không có khoản thuế nào từ vi phạm trị giá. Điều này cho thấy hiệu quả kiểm tra, xử lý vi phạm trị giá sau thông quan chưa cao, dù đây là giai đoạn có điều kiện kiểm tra kỹ lưỡng hơn, đặt ra yêu cầu cần đánh giá lại toàn diện quy trình kiểm tra sau thông quan.

Bảng 4. Kết quả hoạt động kiểm tra sau thông quan giai đoạn 2021-2023

Năm	Tổng số cuộc kiểm tra sau thông quan	Số cuộc phát hiện vi phạm trị giá	Tỷ trọng (%)	Số thuế bổ sung từ kiểm tra sau thông quan (tỷ đồng)				
				Tổng số	Vi phạm trị giá hải quan	Tỷ trọng (%)	Vi phạm khác	Tỷ trọng (%)
	(1)	(2)	(3)=(2)/(1)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)	(8)=(7)/(4)
2021	43	1	2.33	14.98	0.09	0.62	14.89	99.38
2022	51	1	1.96	15.93	0.11	0.67	15.82	99.33
2023	39	0	0.00	16.06	-	0.00	16.06	100

(Nguồn: Cục Hải quan Long An)

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Một số kết quả đạt được

Qua thực trạng quản lý trị giá hải quan tại Cục HQLA trong giai đoạn 2021-2023 cho thấy tồn tại ba bất cập, hạn chế như sau:

Thứ nhất, số thu ngân sách Nhà nước có xu hướng giảm liên tục qua các năm. Cụ thể, năm 2021 số thu đạt 5,327 (tỷ đồng), vượt 13.3% so với chỉ tiêu được giao. Tuy nhiên, sang năm 2022, số thu giảm còn 4,837 (tỷ đồng) giảm 9.2% và đến năm 2023 tiếp tục sụt giảm mạnh, chỉ còn 3,690 (tỷ đồng), tương đương 73.8% so với chỉ tiêu. Điều này cho thấy không chỉ số thu tuyệt đối giảm mà mức độ hoàn thành kế hoạch cũng ngày càng giảm sút, phản ánh rõ áp lực và thách thức trong công tác quản lý trị giá hải quan và thu NSNN [10].

Thứ hai, số thuế bổ sung từ xác định lại trị giá và ấn định thuế vẫn còn rất thấp, chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng thu ngân sách. Trong năm 2021 không phát sinh khoản thuế bổ sung nào; đến năm 2022 phát sinh 0.212 (tỷ đồng) tương đương 0.0044% và năm 2023 giảm nhẹ còn 0.187 (tỷ đồng) nhưng tỷ trọng tăng lên 0.0051%. Tuy có sự biến động nhẹ về số liệu, nhưng nhìn chung con số này vẫn quá nhỏ, cho thấy hiệu quả của công tác xác minh, tham vấn và điều chỉnh trị giá hải quan còn hạn chế, tiềm ẩn nguy cơ thất thu thuế nếu doanh nghiệp lợi dụng kẽ hở để khai báo không chính xác [10].

Thứ ba, hiệu quả kiểm tra sau thông quan về trị giá chưa cao. Trong giai đoạn 2021-2023, tỷ lệ phát hiện vi phạm trị giá hải quan trong các cuộc kiểm tra sau thông quan luôn duy trì ở mức rất thấp và có xu hướng giảm dần: Năm 2021 là 2.33%; năm 2022 giảm còn 1.96% và năm 2023 không phát hiện trường hợp nào. Đồng thời, số thuế truy thu từ vi phạm trị giá hải quan cũng ở mức rất thấp, chỉ chiếm từ 0.62% đến 0.67% trong hai năm đầu và hoàn toàn không phát sinh trong năm 2023. Những con số này phản ánh công tác kiểm tra sau thông quan về trị giá tại đơn vị chưa phát huy hiệu quả như kỳ vọng [4].

4.2. Một số tồn tại, hạn chế

Hoạt động quản lý trị giá hải quan tại Cục HQLA trong giai đoạn 2021-2023 còn tồn tại một số hạn chế, bắt nguồn từ cả nguyên nhân khách quan lẫn chủ quan.

Về nguyên nhân khách quan, trước hết, hệ thống văn bản pháp lý về trị giá hải quan vẫn chưa hoàn thiện, thiếu hướng dẫn chi tiết và còn tồn tại mâu thuẫn với thực tiễn, khiến việc áp dụng trong các tình huống đặc thù như giao dịch

liên kết, phí bản quyền hay hàng miễn thuế gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, hạ tầng công nghệ thông tin và cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý trị giá còn hạn chế, dữ liệu chưa được cập nhật đầy đủ, phần mềm thiếu liên thông và tốc độ xử lý chậm, trong khi năng lực khai thác thông tin của đội ngũ công chức còn hạn chế [15].

Tiếp theo, hệ thống quản lý rủi ro và phân luồng tờ khai vẫn còn nhiều bất cập, do tiêu chí phân tích rủi ro chủ yếu dựa trên mã HS, thiếu danh sách doanh nghiệp rủi ro cụ thể, trong khi danh mục giá tham chiếu thiếu linh hoạt, dễ lạc hậu. Thêm vào đó, cơ chế hợp tác quốc tế để kiểm chứng thông tin trị giá chưa được thiết lập hiệu quả, gây khó khăn trong việc xác minh tính chính xác của trị giá khai báo. Không chỉ vậy, quy định và thực tiễn triển khai hoạt động kiểm tra, tham vấn và xác định trị giá còn nhiều hạn chế khi công tác kiểm tra chủ yếu tập trung ở khâu thông quan, trong điều kiện thời gian gấp rút, khiến hiệu quả kiểm tra và tham vấn chưa cao, đôi khi mang tính hình thức.

Song song đó, hoạt động kiểm tra sau thông quan cũng chưa phát huy được hiệu quả, với tỷ lệ phát hiện vi phạm trị giá rất thấp và thiếu cơ chế xác minh từ nước xuất khẩu. Công chức làm công tác kiểm tra sau thông quan lại chưa được cập quyền truy cập đầy đủ vào dữ liệu cần thiết, đồng thời kỹ năng phân tích và khai thác thông tin vẫn còn hạn chế. Một nguyên nhân quan trọng khác là ý thức tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp còn nhiều hạn chế: nhiều doanh nghiệp kê khai thiếu hoặc sai trị giá do thiếu hiểu biết hoặc cố tình vi phạm, làm gia tăng rủi ro thất thu thuế và gây áp lực cho cơ quan hải quan [11].

Về nguyên nhân chủ quan, một trong những yếu tố nổi bật là cơ cấu tổ chức chưa hợp lý, khi Cục HQLA chưa có bộ phận chuyên trách về trị giá, công chức chủ yếu kiêm nhiệm và tại cấp Chi cục thiếu nhân sự có chuyên môn sâu. Nguồn nhân lực cũng là một điểm yếu, do tình trạng luân chuyển cán bộ thường xuyên, thiếu ổn định dẫn đến sự thiếu hụt chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn và trình độ không đồng đều giữa các công chức. Nhiều công chức còn ngại nghiên cứu, chỉ làm theo kinh nghiệm truyền đạt mà chưa nắm vững nghiệp vụ.

Bên cạnh đó, công tác đào tạo và bồi dưỡng chuyên môn còn chưa hiệu quả, khi chương trình đào tạo mang tính lý thuyết, thiếu thực tiễn và giảng viên thiếu kinh nghiệm thực tế, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn của nghiệp vụ trị giá hải quan. Cuối cùng, hoạt động kiểm tra, giám sát trong quản lý trị giá còn mang tính hình thức,

chưa có quy trình nghiệp vụ cụ thể, thiếu công cụ hỗ trợ chuyên sâu, trong khi kỷ luật công vụ chưa được thực hiện nghiêm túc dẫn đến những vi phạm lặp lại mà chưa có biện pháp xử lý triệt để [7].

5. Kết luận, kiến nghị

5.1. Định hướng quản lý trị giá hải quan đối với Tổng cục Hải quan

Mục tiêu chung là nâng cao chất lượng quản lý trị giá hải quan, ứng dụng công nghệ hiện đại để thực hiện mô hình hải quan số, hải quan thông minh, đảm bảo hiệu quả quản lý [15].

Định hướng cụ thể gồm:

- (1) Hoàn thiện cơ sở pháp lý theo chiến lược phát triển hải quan;
- (2) Kiện toàn tổ chức và nâng cao năng lực cán bộ;
- (3) Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu trị giá hải quan ứng dụng công nghệ số, quản lý rủi ro;
- (4) Hợp tác với doanh nghiệp để nâng cao nhận thức và tuân thủ pháp luật.

5.2. Mục tiêu quản lý trị giá hải quan đối với Cục Hải quan tỉnh Long An

Đảm bảo thu NSNN đạt chỉ tiêu, xác định chính xác trị giá hải quan để tính thuế.

Quản lý trị giá hải quan đúng quy trình, minh bạch, nghiêm ngặt nhằm ngăn chặn gian lận thương mại.

Tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu bằng cách đơn giản hóa thủ tục, áp dụng công nghệ thông tin để rút ngắn thời gian thông quan. Áp dụng chế tài nghiêm khắc đối với doanh nghiệp, cá nhân vi phạm, tăng cường kiểm tra nhằm phát hiện và ngăn chặn khai báo trị giá sai lệch.

5.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý trị giá hải quan

Để nâng cao hiệu quả quản lý trị giá hải quan, cần triển khai đồng bộ các giải pháp trên bốn phương diện trọng tâm, đảm bảo tính liên kết chặt chẽ và phù hợp với yêu cầu phát triển trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

Thứ nhất, hoàn thiện cơ cấu tổ chức là yêu cầu cấp thiết nhằm chuyên môn hóa công tác quản lý trị giá. Việc thành lập bộ phận chuyên trách tại Phòng nghiệp vụ và tổ chuyên trách tại các Chi cục với 3-5 công chức có trình độ chuyên môn sẽ giúp nâng cao chất lượng xử lý nghiệp vụ. Bên cạnh đó, cần thực hiện luân chuyển cán bộ có

kinh nghiệm từ cấp Cục xuống Chi cục kết hợp với đào tạo chuyên sâu để tăng cường năng lực thực tiễn cho đội ngũ ở tuyến đầu. Đồng thời, việc thiết lập quy trình phối hợp rõ ràng giữa các đơn vị nội bộ sẽ góp phần hạn chế chồng chéo, nâng cao tính thống nhất và hiệu quả trong xử lý các nghiệp vụ liên quan đến trị giá hải quan.

Thứ hai, phát triển nguồn nhân lực theo hướng chuyên sâu, chuyên nghiệp là nền tảng quan trọng. Cục cần xây dựng cơ chế tuyển dụng công khai, minh bạch, gắn với chế độ đãi ngộ hợp lý để thu hút nhân tài. Song song đó, cần rà soát và bồi dưỡng đội ngũ chuyên sâu về trị giá, thực hiện đánh giá hiệu quả công chức dựa trên kết quả công việc thực tế. Luân chuyển cán bộ giữa các lĩnh vực liên quan như kiểm tra sau thông quan và thanh tra chuyên ngành cũng là một cách hữu hiệu để mở rộng kinh nghiệm và nâng cao năng lực toàn diện.

Thứ ba, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng là giải pháp then chốt để duy trì đội ngũ công chức chuyên môn vững vàng. Cục HQLA cần chủ động tổ chức các khóa đào tạo nội bộ, kết hợp linh hoạt giữa hình thức trực tiếp và trực tuyến. Nội dung đào tạo phải gắn với thực tiễn, sử dụng phương pháp tình huống (case study) và thực hành nghiệp vụ để tăng tính ứng dụng. Việc xây dựng lộ trình đào tạo theo vị trí việc làm, phân nhóm đối tượng cụ thể cũng sẽ giúp tối ưu hóa hiệu quả học tập. Ngoài ra, đẩy mạnh hợp tác với các Cục Hải quan lớn và tổ chức quốc tế như WCO, JICA, USAID sẽ góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn hiệu quả.

Cuối cùng, tăng cường kiểm tra, giám sát là giải pháp đảm bảo kỷ cương và tính minh bạch trong quản lý trị giá. Cục cần hoàn thiện quy trình kiểm tra toàn diện ở các khâu, từ thông quan đến hậu kiểm và thanh tra chuyên ngành. Đồng thời, bố trí công chức chuyên trách tại Chi cục và tổ chức tập huấn định kỳ nhằm nâng cao kỹ năng kiểm tra, giám sát. Việc ứng dụng công nghệ hiện đại như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) sẽ giúp phát hiện nhanh các dấu hiệu bất thường, nâng cao hiệu quả giám sát. Bên cạnh đó, cần củng cố cơ chế phối hợp nội bộ và tổ chức hợp giao ban định kỳ để chia sẻ thông tin, thống nhất xử lý các trường hợp khai báo bất thường. Đặc biệt, siết chặt kỷ luật công vụ, công khai kết quả xử lý vi phạm góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm, tính tuân thủ trong toàn hệ thống.

5.4. Kết luận

Nghiên cứu đã phân tích tổng quan về công tác quản lý trị giá hải quan tại Cục HQLA, làm rõ

các yếu tố ảnh hưởng như cơ sở pháp lý, tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực và quy trình thực hiện. Trên cơ sở đánh giá thực trạng giai đoạn 2021-2023, nghiên cứu nhận diện những kết quả đạt được cũng như các hạn chế, bao gồm hệ thống văn bản pháp lý chưa hoàn thiện, thiếu hụt nhân lực chuyên sâu và khó khăn trong kiểm tra trị giá hải quan.

Để nâng cao hiệu quả quản lý trị giá hải quan, bài viết đề xuất các giải pháp như hoàn thiện hệ thống pháp lý, củng cố bộ máy tổ chức, đào tạo nhân lực chuyên môn và tối ưu hóa quy trình kiểm tra trị giá trong và sau thông quan, nhằm tăng cường tính minh bạch, giảm thiểu rủi ro gian lận thuế. Đồng thời, tác giả kiến nghị Tổng cục Hải quan cải cách pháp lý, đào tạo cán bộ và tăng cường phối hợp với các cơ quan liên quan để thực thi hiệu quả các giải pháp. Những đề xuất này kỳ vọng sẽ góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý trị giá hải quan.

5.5. Kiến nghị với Tổng cục Hải quan

Thứ nhất, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật là nền tảng quan trọng để đảm bảo tính thống nhất, minh bạch và phù hợp với thông lệ quốc tế trong công tác quản lý trị giá. Trong đó, cần sửa đổi Luật Hải quan, Nghị định số 08/2015/NĐ-CP, 59/2018/NĐ-CP, Thông tư số 39/2015/TT-BTC, Thông tư số 60/2019/TT-BTC, Thông tư số 39/2018/TT-BTC. Nội dung sửa đổi tập trung vào việc quy định rõ về khoản bảo đảm trị giá, nâng cao trách nhiệm của các bộ, ngành trong chia sẻ thông tin, đơn giản hóa và số hóa thủ tục, cũng như tăng cường quản lý rủi ro.

Thứ hai, ứng dụng công nghệ thông tin và xây dựng cơ sở dữ liệu trị giá đóng vai trò then chốt trong việc chuyển đổi từ quản lý truyền thống sang mô hình hải quan thông minh. Giải pháp này bao gồm việc triển khai hệ thống kiểm tra trị giá tự động, xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung, kết nối thông tin với các cơ quan liên quan và ứng dụng AI, Big Data nhằm phân tích rủi ro và đưa ra cảnh báo sớm.

Thứ ba, xây dựng hệ thống phân luồng và quản lý rủi ro hiệu quả giúp cơ quan hải quan chủ động sàng lọc, xác định đối tượng cần kiểm tra trị giá. Việc thiết lập các tiêu chí tự động để nhận diện doanh nghiệp, mặt hàng rủi ro và xây dựng giá tham chiếu cập nhật thường xuyên sẽ nâng cao khả năng kiểm soát và phòng chống gian lận.

Thứ tư, cải tiến quy trình kiểm tra, tham vấn và xác định trị giá nhằm đảm bảo hiệu quả, linh hoạt và giảm áp lực hành chính. Việc chuyển dần từ kiểm tra trong thông quan sang kiểm tra sau

thông quan, triển khai tham vấn điện tử, đồng thời loại bỏ các quy định lỗi hình thức không ảnh hưởng đến trị giá là những bước đi thiết thực giúp tạo thuận lợi cho doanh nghiệp mà vẫn đảm bảo yêu cầu kiểm soát.

Thứ năm, tăng cường quản lý trị giá sau thông quan thông qua phân tầng mức độ xử lý và sử dụng thông tin từ nhiều nguồn khác nhau như tài chính, kế toán, giao dịch ngân hàng. Đặc biệt, việc thành lập đội ngũ chuyên gia về trị giá sẽ giúp nâng cao chất lượng đánh giá, hỗ trợ quá trình ra quyết định và ngăn chặn gian lận hiệu quả hơn.

Cuối cùng, nâng cao ý thức tuân thủ của doanh nghiệp là yếu tố then chốt để đảm bảo hệ thống quản lý trị giá hoạt động bền vững. Các biện pháp như tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ tư vấn, triển khai công cụ tra cứu trị giá, xử lý nghiêm vi phạm và áp dụng chương trình ưu đãi cho doanh nghiệp tuân thủ tốt sẽ góp phần xây dựng môi trường thương mại công bằng, minh bạch và ổn định.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] N. T. T. Huyền, *Giáo trình trị giá hải quan*, Hà Nội, Việt Nam: Nhà xuất bản Tài chính, 2015.
- [2] Quốc hội, *Luật Thuế xuất nhập khẩu số 107/2016/QH13*, 2016.
- [3] Bộ Tài chính, *Thông tư số 39/2015/TT-BTC quy định về trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu*, 2015.
- [4] N. T. T. Trang, “*Kiểm tra sau thông quan về trị giá hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Cục Hải quan TP. Hà Nội*,” Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Phenikaa, Hà Nội, Việt Nam, 2019.
- [5] Chính phủ, *Nghị định số 08/2015/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan*, 2015.
- [6] Chính phủ, *Nghị định số 59/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan*, 2018.
- [7] Tổng cục Hải quan, *Quyết định số 1810/QĐ-TCHQ về việc ban hành quy trình kiểm tra, tham vấn và xác định trị giá hải quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong quá trình làm thủ tục hải quan*, 2018.
- [8] Tổng cục Hải quan, *Quyết định số 1929/QĐ-TCHQ hướng dẫn việc thu thập, cập nhật cơ sở dữ liệu trị giá hải quan, trách nhiệm đề xuất, ban hành danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có rủi ro về trị giá*, 2020.
- [9] Bộ Tài chính, *Thông tư số 39/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 38/2015/TT-BTC quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý*

- thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, 2018.
- [10] Cục Hải quan tỉnh Long An, *Báo cáo tổng kết hoạt động năm 2021, 2022, 2023, 2024*.
- [11] N. H. Bắc, “Thực trạng gian lận thuế qua trị giá tính thuế đối với hàng hóa nhập khẩu ở Việt Nam hiện nay và giải pháp hoàn thiện,” *Tạp chí Pháp luật và Thực tiễn*, số 43, tr.20, 2020.
- [12] Bộ Tài chính, *Thông tư số 38/2015/TT-BTC quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu*, 2015.
- [13] Quốc hội, *Luật Hải quan số 54/2014/QH13*, 2014.
- [14] Tổ chức Hải quan Thế giới, *Hiệp định trị giá GATT/WTO*, 1994.
- [15] Tổng cục Hải quan, *Đề án cải cách công tác quản lý trị giá hải quan đến năm 2030, 2023*.
- [16] T. B. Toàn, “Tái cơ cấu mô hình quản lý, xác định trị giá hải quan đáp ứng yêu cầu của hải quan thông minh,” *Nghiên cứu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Tổng cục Hải quan*, Hà Nội, Việt Nam, 2022.
- [17] [17] T. M. Sơn, “*Kiểm soát trị giá hải quan hàng hoá tạm nhập, tái xuất theo pháp luật Việt Nam*,” Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Luật - Đại học Huế, Huế, Việt Nam, 2023.